

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN LONG KHÁNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN LONG KHÁNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG KHANH REAL ESTATE INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LONG KHANH ESTATE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108683665

**3. Ngày thành lập:** 03/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, Lô C khu tái định cư 218, đường Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961119616

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: + Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất; | 6820(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                  | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                            | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                      | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                       | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                           | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                 | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                  | 4229        |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                             | 4311        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                  | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                              | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                              | 4322        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                     | 4329        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                     | 4330        |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                | 4390        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: + Khách sạn<br>+ Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                   | 5510        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                | 5610 |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                             | 5621 |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                            | 5629 |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                                                                       | 5630 |
| 22. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                       | 9620 |
| 23. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                | 8121 |
| 24. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                    | 8129 |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: + Đại lý bán hàng hoá<br>+ Môi giới bán hàng hoá                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 26. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: + Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>+ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>+ Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. | 4649 |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 28. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: + Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                   | 4690 |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4759 |
| 31. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: + Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) theo quy định của pháp luật.                                                                                                             | 4799 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: + Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hoá mà pháp luật không cấm.                                                                                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG MINH NGHỊ    | Thôn Ngư Tịnh, Xã Cương Gián, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam                | 2.550.000.000         | 51,000    | 184189517                                                                                                                                         |         |
| 2   | PHẠM THỊ NGỌC BÍCH | Tổ dân phố số 3, Thị trấn Nghi Xuân, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam         | 2.450.000.000         | 49,000    | 183681839                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MINH NGHỊ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/01/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 184189517

Ngày cấp: 12/04/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngư Tịnh, Xã Cương Gián, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1806, tòa nhà VP5 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội